

Bản tin Phân tích kỹ thuật

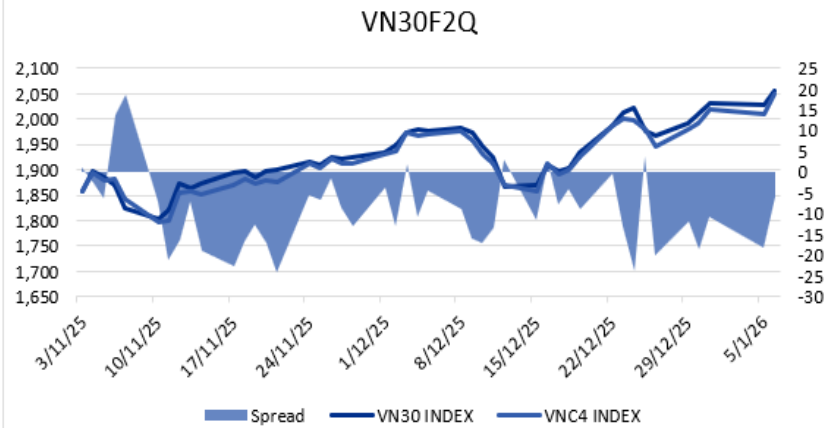
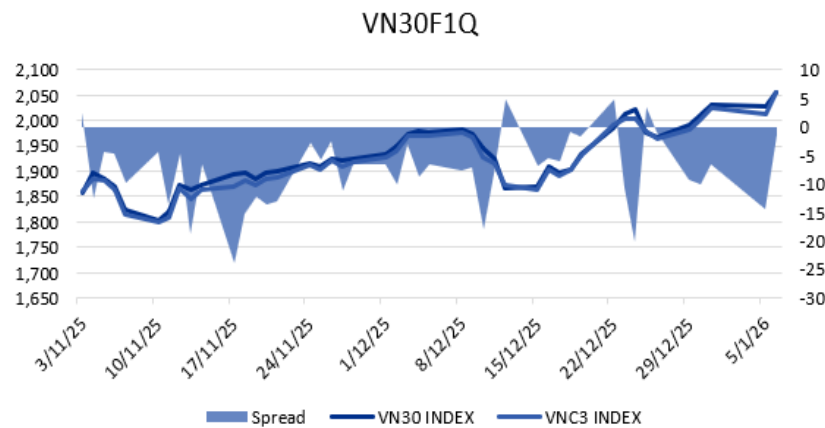
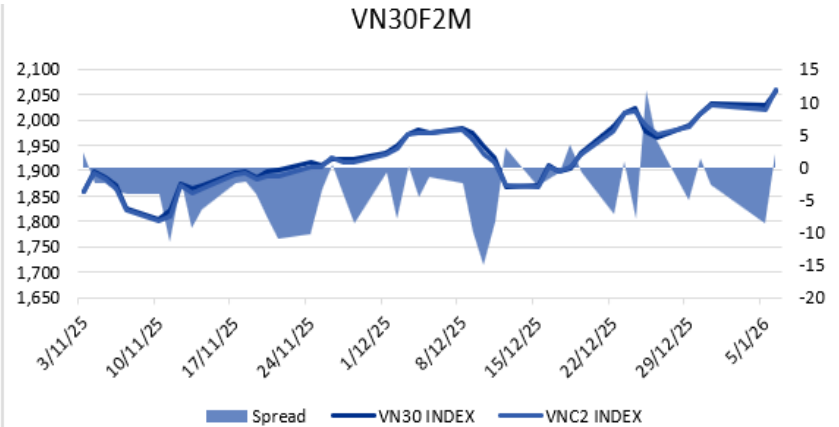
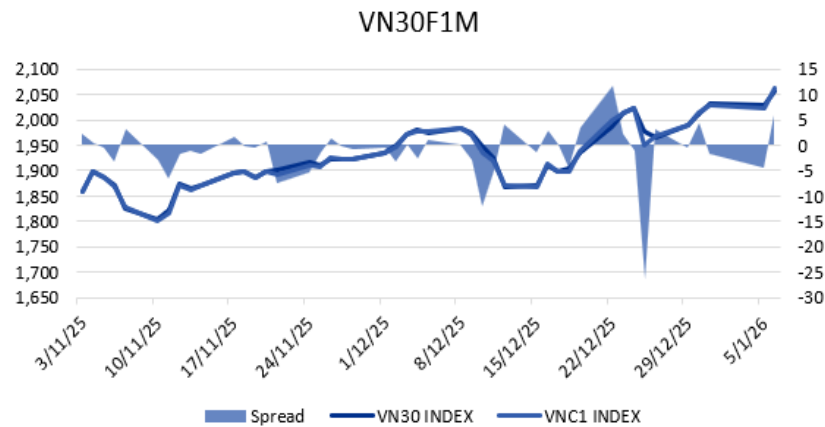
06/01/2026



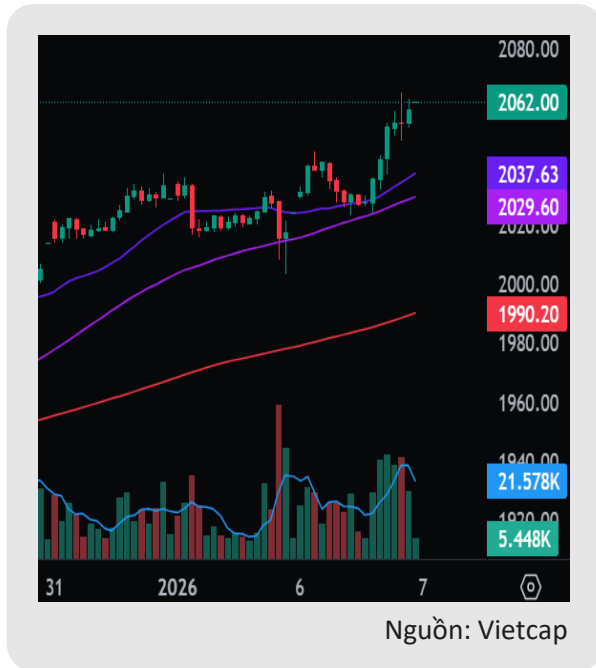
Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chênh lệch HĐTL và chỉ số VN30



Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 có xu hướng tăng, đà tăng chưa có dấu hiệu suy giảm bởi hợp đồng này đóng cửa quanh vùng giá cao nhất phiên. (M15)
- Dự báo 4111G1000 sẽ tiếp tục tăng giá, tiếp cận khu vực 2.080 điểm. Vị thế mua được khuyến nghị và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 2.050 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.060 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.078 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.050 điểm

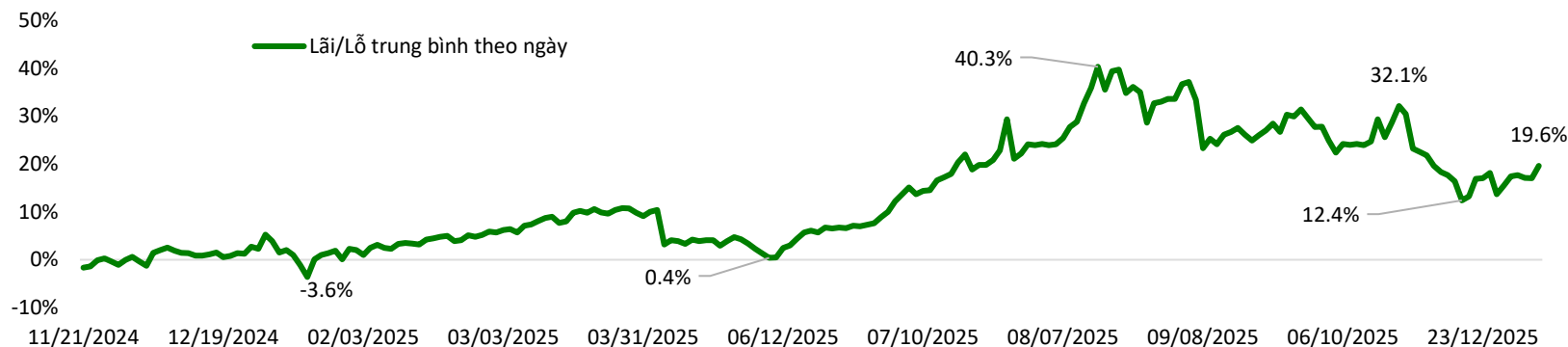
Quan điểm kỹ thuật



- Chỉ số VN-Index vận động trên vùng giá 1.800 điểm, đà tăng trong phiên không bị thu hẹp bởi chỉ số đóng cửa quanh mốc giá cao nhất ngày. Khối lượng giao dịch duy trì ở mức cao cho thấy sự gia tăng của hoạt động mua mới (hoạt động đầu cơ). Đáng chú ý, điểm số trong ngày có sự tác động của nhóm ngành khác Vingroup như Ngân hàng, Bán lẻ, Năng lượng.
- Hoạt động mua cải thiện đồng đều ở nhiều cổ phiếu Ngân hàng, Bảo hiểm, Công nghiệp, Dầu khí. Đáng chú ý, không ghi nhận áp lực bán bất thường khi VN-Index tiếp cận khu vực trên 1.800 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, sau phiên tăng 06/01, nhóm ngành có gia tốc tăng nổi bật trên nhiều cổ phiếu là nhóm Ngân hàng, Dầu khí, Bảo hiểm, Bán lẻ.
- Dựa trên tín hiệu kỹ thuật hiện tại và sự xuất hiện của hoạt động mua diện rộng quanh vùng giá cao trong phiên 06/01, chúng tôi dự báo vùng 1.845 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo của VN-Index. Khu vực 1.800 điểm là hỗ trợ trong ngày, đóng vai trò kích cầu, cân bằng áp lực bán chốt lãi nếu có.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
PVS	19/12/2025		Đang mở	35,800	32,300	10.8%	31,100	36,000	32,300	
BID	19/12/2025		Đang mở	38,900	37,500	3.7%	37,300	41,000	38,000	
TCB	19/12/2025		Đang mở	36,000	33,100	8.8%	32,000	36,200	33,500	
MWG	22/12/2025		Đang mở	88,800	82,700	7.4%	79,700	89,000	82,700	
POW	24/12/2025		Đang mở	12,750	12,700	0.4%	12,200	14,100		
MSN	31/12/2025		Đang mở	77,000	76,500	0.7%	74,000	82,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	141,800	6.94%	28.91%	582,431	8.582	6,133	2.7	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	82,800	6.98%	17.45%	199,792	2.960	5,014	3.1	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	26,650	5.13%	7.24%	214,666	2.338	3,017	1.7	8.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	28,850	3.41%	2.49%	228,894	1.655	2,603	1.5	11.1	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
GVR	27,550	6.99%	8.04%	110,200	1.636	1,569	1.9	17.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TCB	36,000	3.00%	6.19%	255,105	1.628	3,111	1.6	11.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CTG	36,200	1.97%	2.84%	281,163	1.177	4,292	1.7	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	102,900	2.90%	11.73%	184,531	1.137	-60	5.1	-1,725.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCX	47,550	3.82%	2.37%	109,903	0.892	2,390	2.6	19.9	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
LPB	41,700	2.96%	0.48%	124,570	0.784	3,469	2.9	12.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	38,750	6.75%	9.00%	49,235	0.706	2,090	1.9	18.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực
BID	38,900	1.17%	0.26%	273,131	0.679	3,781	1.7	10.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BVH	61,300	6.98%	9.66%	45,504	0.675	3,578	1.9	17.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	63,800	4.42%	7.05%	66,033	0.620	3,576	3.1	17.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	16,800	3.38%	3.38%	84,123	0.605	413	1.5	40.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	119,400	9.94%	34.46%	23,880	0.145	9,526	5.2	12.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	97,900	3.05%	3.49%	22,932	0.043	5,080	2.6	19.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SHS	18,800	-3.09%	-10.90%	16,910	-0.032	1,518	1.4	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	20,000	-4.31%	-9.91%	11,348	-0.030	360	1.8	55.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	25,700	2.39%	-1.91%	16,929	0.025	1,657	2.4	15.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,600	1.49%	-0.73%	26,175	0.024	-3,556	3.9	-3.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KSF	67,300	0.45%	-1.75%	60,556	0.017	4,851	5.1	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	36,500	1.39%	0.27%	13,852	0.012	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	55,000	6.59%	1.85%	2,750	0.011	2,386	2.7	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	35,800	0.85%	6.23%	18,309	0.009	2,841	1.3	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	49,000	-1.21%	-1.41%	175,831	-0.919	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	70,600	-0.98%	3.82%	214,881	-0.912	3,046	5.7	23.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	26,100	5.67%	7.85%	28,415	0.696	-389	2.4	-66.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
RGG	35,400	14.94%	29.20%	6,588	0.425	835	2.9	39.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SJG	19,000	6.74%	5.56%	8,541	0.249	1,954	1.1	9.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VNZ	352,000	-3.56%	-4.92%	10,595	-0.163	-13,147	12.6	-27.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMM	19,100	-18.38%	-20.42%	1,964	-0.156	863	1.7	23.2	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
OIL	11,500	2.68%	7.48%	11,831	0.137	384	1.1	29.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SZG	36,300	14.87%	0.55%	1,993	0.128	4,318	2.0	8.4	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
F88	1,260,000	2.83%	4.13%	10,450	0.128	42,423	6.1	29.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

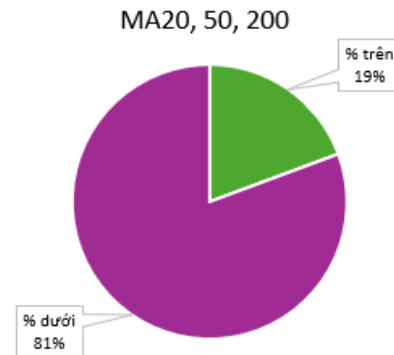
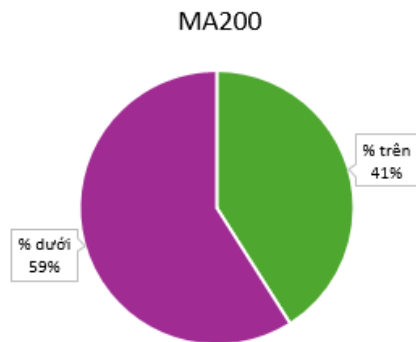
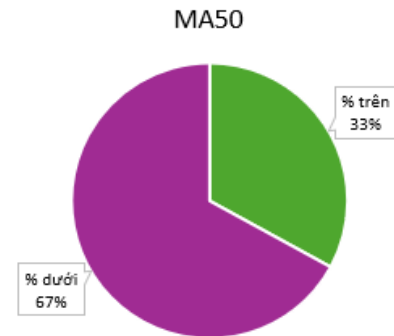
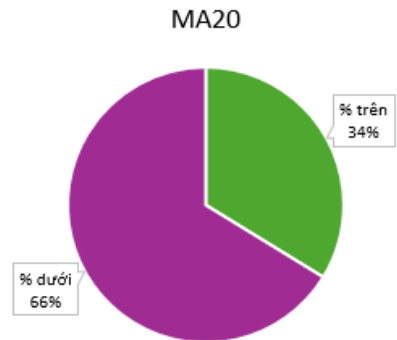
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VHM	141,800	6.9%	1195.9	692.9	37,750	132,600	2.7	23.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
GAS	82,800	7.0%	385.1	112.3	47,818	77,400	3.1	16.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
MWG	88,800	1.6%	561.9	522.5	45,593	88,500	4.2	22.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PNJ	98,700	0.2%	37.6	46.6	61,783	98,500	2.8	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVS	35,800	0.8%	320.7	163.8	20,000	35,500	1.3	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVD	29,600	1.7%	279.6	207.9	16,282	29,100	1.0	18.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PVB	37,200	1.1%	17.1	7.2	21,600	36,800	1.9	17.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DSH	15,400	14.9%	5.1	0.3	9,878	14,111	2.4	4.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
AGG	14,000	-1.1%	6.3	5.4	14,150	21,550	0.7	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
NRC	5,900	0.0%	16.3	3.8	3,900	7,000	0.5	-5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
TCX	47,550	3.8%	216.4	95.1	42,800	48,950	2.6	19.9	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	
PC1	24,500	7.0%	379.5	77.9	16,044	27,218	1.7	17.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BCM	63,800	4.4%	48.5	12.9	52,000	81,800	3.1	17.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			06/01/2026	05/01/2026	31/12/2025	30/12/2025	29/12/2025	26/12/2025	25/12/2025	24/12/2025	23/12/2025	22/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	40%	39%	43%	43%	43%	41%	44%	46%	45%	47%
		Dưới	60%	61%	57%	57%	57%	59%	56%	54%	55%	53%
	MA50	Trên	30%	31%	33%	35%	32%	31%	34%	37%	36%	36%
		Dưới	70%	69%	67%	65%	68%	69%	66%	63%	64%	64%
	MA20	Trên	38%	35%	38%	36%	32%	28%	31%	33%	35%	37%
		Dưới	62%	65%	62%	64%	68%	72%	69%	67%	65%	63%

VN30	MA200	Trên	77%	77%	73%	77%	77%	77%	73%	73%	73%	73%
		Dưới	23%	23%	27%	23%	23%	23%	27%	27%	27%	27%
	MA50	Trên	53%	43%	57%	50%	47%	47%	47%	63%	50%	57%
		Dưới	47%	57%	43%	50%	53%	53%	53%	37%	50%	43%
	MA20	Trên	70%	50%	67%	67%	50%	47%	50%	60%	60%	70%
		Dưới	30%	50%	33%	33%	50%	53%	50%	40%	40%	30%

HNX	MA200	Trên	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%
		Dưới	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%
	MA50	Trên	32%	33%	33%	32%	36%	32%	34%	38%	36%	38%
		Dưới	68%	67%	67%	68%	64%	68%	66%	62%	64%	62%
	MA20	Trên	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%	44%
		Dưới	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%	56%

UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	33%	32%	33%	31%	32%	33%	33%	34%
		Dưới	68%	68%	67%	68%	67%	69%	68%	67%	67%	66%
	MA50	Trên	35%	35%	37%	37%	37%	35%	37%	37%	36%	37%
		Dưới	65%	65%	63%	63%	63%	65%	63%	63%	64%	63%
	MA20	Trên	42%	41%	41%	42%	42%	42%	42%	42%	41%	41%
		Dưới	58%	59%	59%	58%	58%	58%	58%	58%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 1										Tháng 12									
		06 ↓	05	31	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09	08
↗ 1	Dầu khí	85	80	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47	39	31	42	40	40	50	47
↗ 2	Điện, nước & xăng...	66	67	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46	41	36	44	47	49	50	54
↗ 3	Bán lẻ	65	65	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45	43	46	63	74	81	84	83
! 4	Bảo hiểm	53	55	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40	37	35	44	49	51	55	54
5	Y tế	53	67	55	54	66	58	59	61	62	73	70	68	67	64	63	66	71	70	74	77
! 6	Công nghệ Thông...	50	52	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55	55	55	58	47	46	44	44
↘ 7	Thực phẩm và đồ ...	48	50	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49	48	46	51	55	56	56	57
↘ 8	Du lịch và Giải trí	45	46	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48	45	45	50	53	56	57	58
↘ 9	Hàng cá nhân & Gi...	43	41	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45	44	42	47	51	53	59	62
10	Ngân hàng	42	40	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35	31	31	37	42	42	45	48
11	Hóa chất	41	39	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39	37	36	44	49	52	53	56
! 12	Tài nguyên Cơ bản	40	39	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41	39	36	43	49	51	52	48
! 13	Hàng & Dịch vụ C...	36	37	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37	35	34	43	46	47	48	47
↘ 14	Bất động sản	34	33	34	34	32	33	36	38	37	35	30	28	28	26	26	37	46	50	54	56

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	173,100	0.0%	11.7%	1,333,914	9.2	150.9	1,147	1,332.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	141,800	6.9%	28.9%	582,431	2.7	23.1	6,133	1,195.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	36,200	2.0%	2.8%	281,163	1.7	8.4	4,292	529.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	26,650	5.1%	7.2%	214,666	1.7	8.8	3,017	1,884.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	82,800	7.0%	17.4%	199,792	3.1	16.5	5,014	385.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	102,900	2.9%	11.7%	184,531	5.1	-1,725.7	-60	153.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDB	29,050	0.3%	5.3%	145,403	2.2	9.5	3,070	418.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	88,800	1.6%	2.1%	130,399	4.2	22.4	3,957	561.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	212,200	2.3%	2.1%	125,540	5.2	73.3	2,897	444.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VRE	38,050	6.9%	18.9%	86,462	1.9	17.8	2,144	792.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	16,800	3.4%	3.4%	84,123	1.5	40.7	413	344.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
PLX	38,750	6.7%	9.0%	49,235	1.9	18.5	2,090	506.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
BVH	61,300	7.0%	9.7%	45,504	1.9	17.1	3,578	55.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	98,700	0.2%	2.9%	33,671	2.8	14.3	6,911	37.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	152,400	-0.5%	5.7%	25,954	8.4	42.1	3,620	27.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVI	97,900	3.1%	3.5%	22,932	2.6	19.3	5,080	41.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	35,800	0.8%	6.2%	18,309	1.3	12.6	2,841	320.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	29,600	1.7%	8.2%	16,454	1.0	18.5	1,602	279.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	11,500	2.7%	7.5%	11,831	1.1	29.8	384	45.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PC1	24,500	7.0%	12.6%	10,076	1.7	17.8	1,377	379.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	24,600	-1.2%	-5.0%	76,543	13.7	6.5	3,765	45.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	17,250	-3.6%	-7.8%	15,734	1.4	21.6	801	144.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	22,150	0.0%	-3.3%	14,319	1.3	3.6	6,148	103.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,000	-0.4%	-5.8%	9,619	1.5	27.7	938	94.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IJC	10,500	-1.4%	-2.3%	6,611	1.2	8.0	1,315	45.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	12,050	2.1%	-7.7%	5,205	0.6	1.3	9,417	30.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	21,750	-2.2%	-4.6%	4,345	1.5	7.1	3,057	76.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	36,600	-2.3%	-4.9%	3,689	1.8	12.1	3,037	24.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTD	15,700	0.0%	-3.1%	1,047	0.8	6.6	2,383	5.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	49,000	-1.2%	-1.4%	175,831	2.6	16.5	2,971	65.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	48,600	-0.1%	0.0%	73,961	5.3	18.7	2,597	64.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	21,200	1.2%	-1.6%	39,490	1.5	13.0	1,635	126.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	21,000	0.0%	-7.9%	32,160	1.6	7.6	2,766	897.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	18,650	-0.3%	-6.8%	28,391	1.4	14.7	1,269	228.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NAB	14,200	0.0%	0.0%	24,363	1.1	6.1	2,337	17.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	63,000	-3.8%	3.4%	23,926	1.5	7.6	8,296	348.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	21,750	0.0%	-5.0%	23,489	2.2	16.3	1,331	157.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	18,650	-0.3%	-3.6%	18,609	1.6	88.5	211	193.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	16,650	-2.1%	-5.4%	18,521	1.5	41.9	398	159.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	25,700	2.4%	-1.9%	16,929	2.4	15.5	1,657	107.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	63,000	-3.82%	3.45%	118,000	87.3%	8,296	1.5	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	30,500	-1.77%	1.33%	52,100	70.8%	2,192	1.5	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,250	-1.29%	-1.61%	25,500	67.2%	178	1.2	85.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,790	-1.68%	-3.93%	13,600	54.7%	639	0.8	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,000	1.20%	2.82%	64,100	52.6%	3,090	2.1	13.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	31,850	-0.16%	-0.62%	48,500	52.3%	857	2.0	37.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	36,600	-2.27%	-4.94%	55,200	50.8%	3,037	1.8	12.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,350	0.00%	0.75%	20,000	49.8%	(1,938)	0.8	-6.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
IDC	36,500	1.39%	0.27%	54,000	47.9%	4,849	2.1	7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	16,650	-2.06%	-5.40%	24,000	44.1%	398	1.5	41.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,600	1.72%	2.42%	42,400	43.2%	1,763	1.7	16.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,000	-0.38%	-5.80%	37,000	42.3%	938	1.5	27.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,400	0.15%	5.03%	46,600	39.5%	3,578	1.7	9.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	24,000	0.00%	0.42%	33,300	38.8%	3,385	1.4	7.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	29,650	1.72%	-3.58%	40,800	37.6%	1,850	2.4	16.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HPG	25,950	0.00%	-3.53%	35,700	37.6%	1,876	1.6	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	52,400	0.77%	2.14%	69,800	33.2%	5,474	2.5	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACV	49,000	-1.21%	-1.41%	64,600	31.8%	2,971	2.6	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,850	3.41%	2.49%	38,000	31.7%	2,603	1.5	11.1	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
MSN	77,000	0.26%	2.26%	101,200	31.4%	2,196	3.3	35.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn